

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019HS-ST

Ngày 17/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê

Ông Nguyễn Văn Thủy

Ông Nguyễn Xuân Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hà - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2019/TLST-HS ngày 10/9/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Ngọc M**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Lê Ngọc Đ, sinh năm 1952 và bà: Hà Thị T, sinh năm 1959; có vợ: Lê Thị T, sinh năm 1983; có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014); gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư Trần Văn A, Trần Văn H- Văn phòng luật sư Dân An- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (Luật sư A vắng mặt, luật sư H có mặt).

Địa chỉ: số 58 L, T phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Luật Sư Đồng Duy C- Văn phòng luật sư Phan Tiên và cộng sự- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

Địa chỉ: số 87 Nguyễn Đình C, phường T, T phố B, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị hại:*

1. Anh Đỗ Trung T, sinh năm 1978. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, T phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Ngô Văn T1, sinh năm 1987. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn R, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Dương Văn H, sinh năm 1969. Có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bị hại:*

Luật sư Nguyễn Văn N- văn phòng luật sư Nguyễn Đình Huân- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

Địa chỉ: số 139 N, T phố B, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Thân Thị H, sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, T phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Thân Thị B, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn R, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Lê Thị T2, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

4. Ông Lê Ngọc Đ, sinh năm 1950. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Dương Văn T3, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Ngô Sỹ C, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Dương Văn N, sinh năm 1972. Vắng mặt.

4. Anh Giáp Văn D, sinh năm 1978. Vắng mặt.

5. Chị Dương Thị H, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/10/2018, Đỗ Trung T, sinh năm 1978, trú tại thôn L, xã T, T phố B được anh họ là Dương Văn H, sinh năm 1969, trú tại thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang mời ăn sáng. Anh T đồng ý và rủ Ngô Văn T1, sinh năm 1987, trú tại thôn R, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang đi cùng. Khoảng 8 giờ cùng ngày, ba người đến quán của anh Dương Văn N ở thôn N, xã N ăn sáng.

Trong khi ăn uống, H nói cho T biết việc H và Lê Ngọc M, sinh năm 1982 trú tại thôn N, xã N, huyện Y đều làm dịch vụ mua bán đất trên địa bàn xã N nhưng H cứ treo biển quảng cáo mua bán đất ở đâu thì M cũng treo biển quảng cáo gần đó, gần đây M còn phá một giao dịch mua bán đất làm H bị mất 50 triệu đồng tiền đặt cọc. T bảo T1 lấy số điện thoại của M ghi ở biển quảng cáo treo trước văn phòng của M đối diện với quán anh Nghinh mục đích gọi M ra nói chuyện, yêu cầu tháo biển quảng cáo và không được xen vào việc làm ăn của H nữa. T1 gọi điện cho M giả vờ hỏi mua đất và hẹn gặp tại văn phòng của M. Vì đang bận công việc nên M đi xe máy đến gặp T1 tại cửa quán nhà anh Nghinh và bảo vào nhà M giao dịch. T1 đi vào trong quán nói cho T và H biết thì T bảo H đi vào nhà M nói chuyện.

H, T, T1 đi đến nhà M thì thấy M đang ngồi nói chuyện với anh Giáp Văn D, sinh năm 1978 ở cùng thôn. M mời mọi người vào nhà uống nước. Khi mọi người ngồi uống nước, nói chuyện thì H bảo M phải tháo biển quảng cáo mua bán đất mà M treo ở thôn N, xã N nhưng M không đồng ý. T đứng dậy chỉ tay vào M và nói “Tao bảo mày tháo, mày có tháo không, tao yêu cầu mày tháo hết xuống”. Thấy vậy, H bảo T ngồi xuống nói chuyện, không được đánh nhau. Sau đó, H và T tiếp tục bảo M phải tháo hết biển quảng cáo nhưng M vẫn không đồng ý. T đứng dậy bảo M phải tháo. M cũng đứng dậy và nói “Anh bình tĩnh, nhà em ở đây các anh thích đánh em lúc nào trả được”. T tát 01 cái vào mặt M. Ngay sau đó, M đi ra phía góc cửa nhà lấy 01 con dao dạng kiếm (dài 66cm, có 01 lưỡi sắc dài 46cm, bản rộng 4,5cm) rồi quay lại chém liên tiếp nhiều nhát vào đầu, cổ, vai, người và tay T. Sau đó, M dùng dao chém chém vào người, vào đầu T1 thì T1 giơ tay phải lên đỡ làm đứt rời ngón tay cái bàn tay phải. T, T1, H bỏ chạy ra ngoài thì M đuổi theo tiếp tục chém vào người T và T1. Khi chạy ra ngoài, T chạy về hướng đi UBND xã N được một đoạn thì gục ngã xuống đường. T1 và H chạy ra phía đường Quốc lộ 17. Trong lúc chạy, H bị ngã nên M đuổi kịp và dùng dao chém 01 nhát vào gót chân trái. H xin M thì M không chém nữa mà cầm dao đi về nhà. T và T1 bị thương được đưa đi bệnh viện cấp cứu còn H bị thương nhẹ đến Trạm y tế xã N khâu vết thương rồi về nhà. Sau đó, Lê Ngọc M bị Công an huyện Y bắt giữ.

***Khám nghiệm hiện trường:** Nơi xảy ra vụ án tại nhà Lê Ngọc M ở thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Xem xét phòng khách thấy tại góc tường phía Tây giáp với cửa ra vào gian chứa đồ, để xe có để một số bình nước lọc dưới nền nhà, phía trong có một con dao bằng kim loại màu trắng dạng kiếm dài 66cm, chuôi gỗ bọc kim loại màu vàng, ở vị trí giáp tường. Tiếp đến là bộ bàn ghế bằng gỗ, cách vị trí ghế về phía Nam kê kệ tivi và loa, trên nền nhà có nhiều vết nghi máu, tiếp giáp kệ tivi về phía Nam là cầu thang giáp cầu thang là bếp tiếp đến là phòng ngủ. (bút lục 49- 55).

1. Về thương tích của Đỗ Trung T

Sau khi bị chém, T được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang cấp cứu, điều trị 2 lần: Lần 1 mổ điều trị các vết thương từ ngày 22/10/2018 đến ngày 14/11/2018, lần 2 mổ ghép xương sọ từ ngày 14/01/2019 đến ngày 23/01/2019 ra viện.

Giấy chứng nhận thương tích ban đầu ghi số vào viện 150996 ngày 30/10/2018 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang xác nhận tình trạng thương tích của Đỗ Trung T:

- Vết thương vùng sườn ngực trái lóc da, kích thước 12 x 5cm. Kiểm tra nhu mô phổi không thấy tổn thương.
- Vết thương cẳng tay phải 1/3 dưới: Đứt rời còn dính ít da phía mặt ngoài.
- 01 vết thương vùng cổ phải, kích thước 15 x 4cm, đứt một phần cơ thang, cơ nâng vai, cơ gối đầu.
- 01 vết thương cánh tay phải 1/3 trên mặt sau, kích thước 10 x 4cm, đứt một phần cơ tam đầu cánh tay.
- 01 vết thương vai trái, kích thước 6 x 3cm, đứt một phần mỏm cùng vai, bán trật khớp cùng đòn trái, đứt một phần cơ delta trái.
- 01 vết thương ngón V bàn tay trái mặt gan tay, kích thước 3cm.
- 02 vết thương vùng lưng phải, kích thước 5cm và 3cm rách da.
- Vết thương vùng trán đỉnh phải, kích thước 20cm, lộ xương vồ lún, rách màng cứng dọc vết thương vào tổ chức não, tụ máu dưới màng cứng. (bút lục 152).

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 8543 ngày 31/10/2018 của Trung T1 pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Thương tích vết thương vùng thái dương- trán- đỉnh phải. Diện khuyết xương sọ dưới vết thương, kích thước 25 x 7cm, đáy phập phồng + Tụ máu dưới màng cứng: 55%.
- Thương tích vết thương vùng vai trái + Đứt một phần mỏm cùng vai, bán trật khớp đòn cùng trái: 3%.
- Thương tích vết thương cẳng tay phải, 3 vết mổ + Trình tự phẫu thuật: Kiểm tra vết thương đứt gần rời cẳng tay phải 1/3 dưới: Đứt hoàn toàn xương trụ + Xương quay. Đứt động mạch trụ + quay, thần kinh trụ + Đặt lại xương về vị trí phẫu thuật xuyên đinh Kirschner cố định xương quay, xuyên 1 đinh Kirschner cố định xương trụ. Nối T kinh trụ, nối toàn bộ gân gấp, duỗi: 42%.
- Các thương tích: Vết thương vùng sườn ngực trái, vết thương vùng lưng phải dài 6cm, vết thương vùng cổ phải, vết thương mặt sau 1/3 giữa cánh tay phải: 7%.
- Các thương tích: Vết thương vùng lưng phải dài 3,5cm, vết thương ngón V bàn tay trái, vết mổ dẫn lưu: 3%.

Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 77%.

- *Thương tích do hung khí gây nên, hung khí là vật sắc. Không xác định được do một hay nhiều hung khí gây nên. Không xác định được chiều hướng gây nên các thương tích. (bút lục 58- 60).*

Sau khi T ra viện, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định bổ sung để xác định tỷ lệ thương tích hiện tại. Bản kết luận giám định pháp y bổ sung số 8711 ngày 05/3/2019 và số 8965 ngày 17/7/2019 của Trung T1 pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

- *Thương tích khám thần kinh vận động: Ảnh hưởng đến động tác gấp duỗi ngón tay bàn tay phải mức độ nhiều: 5%.*

- *Tỷ lệ tổn thương cơ thể bổ sung là: 5%.*

- *Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Đỗ Trung T là: 77% + 5% = 78%.*

- *Con dao thu giữ của bị can Lê Ngọc M tạo được các thương tích của anh Đỗ Trung T (bút lục 70, 73- 74).*

2. Về thương tích của Ngô Văn T1 và Dương Văn H

2.1. Đối với Ngô Văn T1

Điều trị tại Bệnh viện trung ương quân đội 108- Bộ quốc phòng từ ngày 22/10/2018 đến ngày 06/11/2018. Giấy chứng nhận thương tích số 2679 ngày 29/11/2018 của Bệnh viện Trung ương quân đội 108- Bộ Quốc phòng xác nhận tình trạng thương tích của khi vào viện:

- *Vết thương lưng phải dài 12cm, sâu 4cm, bờ nhám nhở, bản, không thấu ngực.*

- *Vết thương vùng thái dương đỉnh trái dài 5cm, sắc gọn, đáy sâu, bản, không liệt.*

- *Vết thương đứt hoàn toàn ngang nền xương bàn I ngón I tay phải, đầu chi đứt rời được bảo quản. (bút lục 281).*

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 8678 ngày 29/01/2018 và Bản kết luận giám định pháp y bổ sung số 8966 ngày 17/7/2019 của Trung T1 pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

- *Thương tích vết sẹo vùng thái dương trái: 4%.*

- *Thương tích vết sẹo vùng lưng phải: 4%.*

- *Thương tích vết sẹo toàn bộ ô mô ngón I bàn tay phải và vết mổ kết hợp xương bàn ngón I tay phải + X- quang bàn tay phải: Gãy đốt I bàn tay phải đã cố định bằng xuyên kim: 14%.*

Kết luận: *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 21%.*

- *Các thương tích do hung khí gây nên, hung khí là vật sắc.*

- *Không xác định được các thương tích trên cơ thể anh Ngô Văn T1 do một hay nhiều hung khí gây nên.*

- *Không xác định được chiều hướng gây nên các thương tích.*

- Con dao thu giữ của bị can Lê Ngọc M tạo được các thương tích của anh Ngô Văn T1. (bút lục 67, 75).

2.2. Đối với Dương Văn H:

Giấy xác nhận thương tích của Trạm y tế xã N ngày 22/10/2018 xác nhận H bị thương phần mềm vùng gót chân phải.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 8534 ngày 25/10/2018 và Bản kết luận giám định pháp y bổ sung số 8967 ngày 17/7/2019 của Trung T1 pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Thương tích vết thương gót chân trái: 2%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 2%.

- Thương tích do hung khí gây nên, hung khí là vật sắc. Không xác định được chiều hướng gây thương tích.

- Con dao thu giữ của bị can Lê Ngọc M tạo được thương tích của anh Dương Văn H. (bút lục 63- 64; 76; 241).

Cơ quan điều tra trung cầu giám định dấu vết trên con dao thu giữ của Lê Ngọc M. Kết luận giám định số 854 ngày 02/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Trên con dao dạng kiếm không phát hiện thấy dấu vết máu (bút lục 80).

Quá trình điều tra, bị can M khai nhận hành vi dùng dao chém T, T1 và H như nêu trên. Cơ quan điều tra cho bị can M thực nghiệm các động tác khi thực hiện hành vi phạm tội. Kết quả M thực hiện thuần thục động tác dùng dao chém T, T1 và H phù hợp với lời khai của bị can (bút lục 113- 121).

Bản cáo trạng số 29/CT-VKS-P2 ngày 09/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Lê Ngọc M về tội theo điểm n Khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Lê Ngọc M trình bày: Ngày 22/10/2018, H vô cớ đưa người đến nhà bắt tháo biển quảng cáo mua bán đất của M xuống và bị T tát 03 cái vào mặt nên bị cáo cầm dao chém T, T1 và H. Gây án xong, bị cáo bị bắt và bị cáo đã giao nộp con dao gây án cho Công an.

Các bị hại anh Thanh và anh T1 đều trình bày: Ngày 22/10/2018 đến nhà M nói chuyện, yêu cầu M tháo biển quảng cáo bán đất xuống nhưng bị cáo không đồng ý. T tát một cái vào mặt bị cáo thì bị cáo cầm dao chém. Về bồi thường dân sự và hình phạt đối với bị cáo đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng, anh Giáp Văn D là người trực tiếp có mặt tại nhà bị cáo khai: Sáng ngày 22/10/2018, Dính đến nhà bị cáo uống nước, nói chuyện thì thấy H, T1, T đến yêu cầu bị cáo tháo biển quảng cáo mua bán đất xuống nhưng bị cáo không nghe thì bị T tát 01 cái vào mặt, bị cáo M lấy dao ở góc cửa xông vào chém T, T1, H.

Qua thẩm vấn tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Ngọc M phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích” và đề nghị:

Áp dụng điểm n Khoản 1 Điều 123; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS. Xử phạt bị cáo từ 10 năm- 11 năm tù về tội giết người.

Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo từ 2 năm- 2 năm 6 tháng tù về tội cố ý gây thương tích.

Tổng hợp hình phạt: Áp dụng Điều 55 BLHS buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 2 tội từ 12 năm đến 13 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 590 BLDS buộc bị cáo bồi thường, cụ thể:

- Đối với Đỗ Trung T:

+ Tiền viện phí, chi phí điều trị: 75.065.000 đồng.

+ Tiền mất thu nhập của T và 1 người thường xuyên chăm sóc: 3 tháng (150 ngày) x 200.000 đồng/ 1 ngày x 2 người= 60.000.000 đồng.

+ Tiền bồi thường tổn thất tinh thần từ 40 - 45 tháng lương cơ sở, tương đương 1.490.000 đồng x (40, 45) = 59.600.000 đồng - 67.050.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường từ 194.665.000 đồng đến 202.115.000 đồng, trừ đi số tiền 50.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T từ 144.665.000 đồng đến 152.115.000 đồng.

- Đối với Ngô Văn T1:

+ Tiền chi phí điều trị, viện phí: 40.000.000 đồng.

+ Tiền mất thu nhập của anh T1 và người chăm sóc 15 ngày x 200.000 đồng /1 ngày x 2 người = 6.000.000 đồng.

+ Tiền bồi thường tổn thất tinh thần từ 25 - 30 tháng lương cơ sở, tương đương 1.490.000 đồng x (25, 30) = 37.250.000 đồng - 44.700.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh T1 từ 83.250.000 đồng đến 90.700.000 đồng, trừ số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường 20 triệu. Buộc bị cáo bồi thường cho anh T1 từ 63.250.000 đồng- 70.700.000 đồng.

Ngoài ra, còn đề nghị về xử lý vật chứng, án phí hình sự và dân sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Luật sư Đồng Duy C bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc M có quan điểm: Nhất trí bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Về mục đích, động cơ phạm tội của bị cáo: Giữa bị cáo và 03 bị hại không có mâu thuẫn gì. Chỉ xuất phát từ việc cạnh tranh không lành M, xuất phát từ việc áp đảo lực lượng của bên bị hại, bị cáo không có động cơ, mục đích gì, chỉ khi bị dồn vào chân tường không còn

cách nào khác bị cáo mới phạm tội. Nếu như không có hành vi trái pháp luật của 03 bị hại gây ra trước thì chắc chắn không có sự việc phạm tội xảy ra. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo hoàn toàn do lỗi của 03 bị hại gây ra.

Về tình tiết giảm nhẹ: Đề nghị áp dụng thêm tình tiết quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo phạm tội do bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra. Bị cáo được tặng thưởng huân huy chương, là thương binh đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS. Sau khi phạm tội bị cáo đã điện thoại cho người nhà để trình báo Công an, do vậy đề nghị áp dụng tình tiết người phạm tội đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Căn cứ vào nguyên nhân phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ TNHS đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 09 đến 10 năm tù về tội “Giết người” và từ 20 tháng đến 24 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên nhân phạm tội do lỗi của bị hại gây ra, do vậy theo quy định của pháp luật thì người có lỗi phải chịu trách nhiệm về thiệt hại của mình. Mức bồi thường thiệt hại do anh T, anh T1 đưa ra không phù hợp với thực tế, đề nghị HĐXX xem xét bồi thường cho anh T từ 120 triệu đến 150 triệu, bồi thường cho anh T1 từ 60 triệu đến 70 triệu.

Luật sư Trần Văn H bào chữa cho bị cáo có quan điểm: nhất trí với bài bào chữa của luật sư Chấn. Đề nghị áp dụng thêm tình tiết người bị hại có lỗi quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố.

Bị cáo đồng ý với bài bào chữa của hai luật sư.

Luật sư Nguyễn Văn N phát biểu quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại: Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Về hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề xuất là nhẹ, vì hành vi của bị cáo thể hiện tính chất côn đồ, cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo. Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo là không đúng vì gia đình bị cáo mới chỉ bồi thường cho anh T 50 triệu, bồi thường cho anh T1 20 triệu. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Giết người”, từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Về bồi thường dân sự: đề nghị bồi thường cho T 368.265.000đ, bồi thường cho T1 174.249.000đ

Hai bị hại là anh T và anh T1 đồng ý với quan điểm của luật sư N.

Viện kiểm sát đối đáp, tranh luận với quan điểm của các luật sư:

Về việc luật sư C đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51, điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo: Trong vụ án này, người bị hại có một phần lỗi, nhưng lỗi này không đến mức kích động để bị cáo lấy con dao chém anh T 4 nhát, chém anh T1 2 nhát, anh H 01 nhát, bị cáo chỉ được áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS vì bị hại có lỗi, không đủ căn cứ áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS. Không áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS vì bị cáo chỉ được tặng thưởng huân huy chương do vậy bị cáo được áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì bị cáo có nhiều

tình tiết giảm nhẹ nên Viện kiểm sát cũng đã áp dụng Điều 54 BLHS đối với tội “Giết người” cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: anh T phải điều trị tại bệnh viện 03 tháng với thương tích 78%, căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ thì Viện kiểm sát đề nghị cho từng bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật. Mức đề nghị bồi thường của hai bị hại là quá cao không có căn cứ để chấp nhận.

Luật sư N cho rằng không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo: Viện kiểm sát thấy rằng, bị cáo đang bị tạm giam, bị cáo đã tác động vợ bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo, so sánh với điều kiện kinh tế nhà bị cáo làm nông nghiệp, công việc, thu nhập không ổn định thì số tiền bồi thường trước mắt cho anh T 70 triệu, anh T1 20 triệu là đã rất cố gắng của gia đình bị cáo. Do vậy, việc Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 cho bị cáo là có căn cứ.

Không áp dụng điểm e khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo được như luật sư Nam đề nghị vì không có căn cứ, khi anh T, anh T1 bị ngã thì bị cáo đã không chém tiếp.

Các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, bị cáo cũng xin lỗi hai người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người làm chứng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai của những người này nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Sau khi xem xét lời khai của bị cáo, bị hại, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, cũng như tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa bị cáo Lê Ngọc M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của

bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại và người làm chứng về thời gian, địa điểm và diễn biến xảy ra vụ án; phù hợp với vết thương trên cơ thể người bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ được tại hiện trường, các kết luận giám định và hung khí gây án nên đã có đủ cơ sở để xác định:

Dương Văn H, sinh năm 1969, trú tại thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Lê Ngọc M sinh, năm 1982 trú tại thôn N, xã N, huyện Y đều làm dịch vụ mua bán đất trên địa bàn xã N nhưng H cứ treo biển quảng cáo mua bán đất ở đâu thì M cũng treo biển quảng cáo gần đó, gần đây M còn phá một giao dịch mua bán đất làm H bị mất 50 triệu đồng tiền đặt cọc.

Ngày 22/10/2018, Dương Văn H cùng Đỗ Trung T và Ngô Văn T1 đi ăn sáng tại thôn N, xã N, huyện Y. Sau khi H kể cho T và T1 nghe sự việc trên, ba người đã đi đến nhà M yêu cầu tháo biển quảng cáo nhưng M không đồng ý nên bị T tát 01 cái vào mặt. M lấy 01 con dao dạng kiếm dài 66cm chém T liên tiếp nhiều nhát vào đầu, cổ, vai, người và tay sau đó chém T1 vào đầu, người và tay. T, T1, H bỏ chạy ra ngoài đường thì M đuổi theo chém H 01 nhát vào gót chân trái.

Hậu quả làm Đỗ Trung T bị thương 9 vết thương ở đầu, cổ, vai, vùng sườn ngực trái, lưng và tay với tổng tỷ lệ tổn thương là 78%, trong đó vết thương vùng trán đỉnh phải, kích thước 20cm, lộ xương vỡ lún, rách màng cứng dọc vết thương vào tổ chức não, tụ máu dưới màng cứng, vết thương đứt gân rời cẳng tay phải gây nguy hiểm đến tính mạng. Anh T được cấp cứu kịp thời nên không bị chết.

Đối với Ngô Văn T1 bị thương ở đầu, lưng và đứt rời ngón tay cái bàn tay phải, tỷ lệ tổn thương 21%, Dương Văn H bị thương gót chân trái, tỷ lệ tổn thương 2% đều không gây nguy hiểm đến tính mạng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm quyền được sống, được bảo vệ về sức khỏe, tính mạng của con người. Bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lê Ngọc M phạm các tội “Giết người” được quy định tại điểm n Khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự và tội “Cố ý gây thương tích” được quy định điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 29/CT-VKS – P2 ngày 09/9/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố đối với Lê Ngọc M là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không bị áp dụng một tình tiết tăng nặng TNHS nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về nguyên nhân xảy ra vụ án: người bị hại T có một phần lỗi vì đã tát bị cáo trước, dẫn đến việc M dùng dao dạng kiếm chém T, T1, H. Sau khi phạm tội bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo đã đầu thú; tại cơ quan Điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, T khẩn khai báo; bố bị cáo là thương binh, được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến. Đây là những tình tiết giảm nhẹ

để áp dụng cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phải buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành con người biết tuân thủ pháp luật và là công dân có ích cho xã hội.

Mặt khác, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Hơn nữa bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, việc bị cáo phạm tội là do người bị hại có lỗi trước, vì vậy cần áp dụng Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt đối với tội “Giết người” cũng đủ trừng trị, giáo dục bị cáo. Thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Việc luật sư C đề nghị áp dụng điểm e, x khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là không có cơ sở pháp luật, lý do: Việc anh T sát bị cáo trước chưa đến mức làm bị cáo bị kích động về mặt tinh thần dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, bố bị cáo là thương binh được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến nên chỉ áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

Luật sư N đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo là không có căn cứ, vì khi anh T, anh T1 bị ngã thì bị cáo đã không chém tiếp nữa.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, anh T đề nghị bồi thường 368.265.000đ, anh T1 đề nghị bồi thường 174.249.000đ, các chứng từ, hóa đơn điều trị tại bệnh viện các anh đã giao nộp trong quá trình điều tra.

Căn cứ Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, vào điều kiện của bị cáo, những thiệt hại thực tế cần chấp nhận buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại gồm:

* Đối với Đỗ Trung T:

+ Tiền viện phí, chi phí điều trị, tiền thuê xe: 75.065.000 đồng.

+ Tiền mất thu nhập của T 90 ngày x 200.000 đồng/ 1 ngày x 1 người= 18.000.000 đồng.

+ Anh T điều trị tại bệnh viện 02 đợt là 31 ngày, do vậy tiền mất thu nhập của 01 người thường xuyên chăm sóc là 31 ngày x 200.000 đồng/ 1 ngày x 1 người= 6.200.000đ.

+ Tiền bồi thường tổn thất tinh thần 45 tháng lương cơ sở, tương đương 1.490.000 đồng x 45 = 67.050.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường 166.315.000 đồng, trừ đi số tiền 50.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T 116.315.000 đồng.

* Đối với Ngô Văn T1:

- Tiền chi phí điều trị, viên phí, tiền thuê xe: 40.000.000 đồng.
- Tiền mất thu nhập của anh T1 và người chăm sóc 15 ngày x 200.000 đồng /1 ngày x 2 người = 6.000.000 đồng.
- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần từ 20 tháng lương cơ sở, tương đương 1.490.000 đồng x 20 = 29.800.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh T1 75.800.000 đồng, trừ số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường 20 triệu. Buộc bị cáo bồi thường cho anh T1 55.800.000 đồng.

* Đối với Dương Văn H: Do Dương Văn H không yêu cầu bồi thường nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 1 con dao dạng kiếm bị cáo sử dụng gây án.
- Trả lại bị cáo: 01 ví da màu nâu cũ, 01 thẻ ATM, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm y tế và 6.680.000 đồng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê Ngọc M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc M phạm tội "Giết người" và tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc M 08 (tám) năm tù về tội "Giết người"

Căn cứ vào đ Khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc M 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là **10 năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/10/2018.

[2] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 590, Điều 357 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lê Ngọc M bồi thường cho người bị hại gồm:

- Bồi thường cho anh Đỗ Trung T 166.315.000 đồng, trừ đi số tiền 50.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường, buộc bị cáo M phải bồi thường cho anh T 116.315.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Ngô Văn T1 75.800.000 đồng, trừ số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường 20 triệu. Buộc bị cáo M bồi thường cho anh T1 55.800.000 đồng.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015:

- Tịch thu tiêu huỷ: 1 con dao dạng kiếm có tổng chiều dài 66 cm. Thân dao bằng kim loại màu trắng dài 46 cm, đầu nhọn, lưng dao hình lưỡi cưa, chỗ rộng nhất của thân dao là 4.5 cm, chuôi dao làm bằng gỗ tròn dài 20 cm, được bọc kim loại màu vàng.

- Trả lại bị cáo: 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng, 01 thẻ ATM có số: 9704366814752319012, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm y tế HS: 4242420466331. Trả lại bị cáo 6.680.000 đồng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án

[4] Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc M phải chịu 200.000 đ án phí hình sự sơ thẩm và 8.650.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan thi hành án;
- Bị cáo;
- Lưu HS,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung

